

QUAN HỆ AN NINH QUỐC PHÒNG MỸ - ẤN ĐỘ

ThS. Lê Thị Thu
Viện Nghiên cứu Châu Mỹ

Quan hệ đối tác chiến lược Mỹ - Ấn Độ trong thập kỷ qua phát triển toàn diện và khá tốt đẹp. Trong đó, sự phát triển nhanh chóng của quan hệ an ninh - quốc phòng được coi là khía cạnh rõ ràng nhất trong chuyển biến của quan hệ Mỹ - Ấn từ năm 2000. Điều này được thể hiện qua tính thường xuyên và quy mô của các cuộc tập trận chung, các cuộc đối thoại, trao đổi nhân sự, các chuyến thăm cấp cao, cũng như hợp tác và mua bán công nghệ quân sự. Cả hai nước đều nhận thức được việc tăng cường quan hệ an ninh - quốc phòng Mỹ - Ấn có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo hoà bình và ổn định ở Nam Á. Mục tiêu thúc đẩy quan hệ quốc phòng với Ấn Độ được thể hiện rõ khi Tổng tư lệnh Dennis Blair tuyên bố: *"Chúng tôi tin tưởng rằng một quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn phát triển tốt đẹp có thể có vai trò quan trọng đối với hoà bình, an ninh và tự do ở châu Á"*¹.

1. Các mục tiêu và lợi ích chiến lược của Mỹ và Ấn Độ

Sau sự kiện 11/9, an ninh, quốc phòng là lĩnh vực hợp tác chính trong quan hệ giữa Mỹ và Ấn Độ. Khi Mỹ phát động cuộc chiến chống khủng bố thì Ấn Độ là một trong những nước đầu tiên ủng hộ chiến dịch này. Mối liên hệ an ninh quốc phòng giữa hai nước dựa trên cơ sở ngày càng tăng sự hài hoà giữa các lợi ích của Mỹ và Ấn Độ, đặc biệt là những lợi ích ở khu vực

từ Trung Đông đến Đông Nam Á. Cả sự hài hoà về lợi ích và các điểm khác biệt sẽ định hướng quan hệ Mỹ - Ấn Độ trong thập kỷ tới.

* Các lợi ích chiến lược của Mỹ

Trong quá khứ, hai khu vực nằm trong lợi ích chiến lược của Mỹ là tây Thái Bình Dương, Trung Đông và vịnh Persian. Hiện nay, Mỹ ngày càng chú trọng đến các mối quan hệ kinh tế - chính trị ở châu Á, đồng thời sự nổi lên của Trung Quốc và Ấn Độ càng làm gia tăng tầm quan trọng chiến lược của Ấn Độ trong con mắt của Mỹ. Di sản dân chủ, thành quả kinh tế ấn tượng của Ấn Độ được xem là các yếu tố hấp dẫn để Mỹ theo đuổi quan hệ chiến lược thân cận hơn. Các quan chức Mỹ hy vọng Ấn Độ đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng môi trường chiến lược ở châu Á.

Mỹ mong muốn Ấn Độ cùng tích cực tham gia cuộc chiến chống chủ nghĩa khủng bố quốc tế, ngăn chặn phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt, và đảm bảo an ninh năng lượng ở Ấn Độ Dương. Ấn Độ Dương là con đường huyết mạch vận chuyển năng lượng của Mỹ, Trung Quốc, Nhật Bản và các nền kinh tế Đông Á, đồng thời là đại dương thuộc phạm vi thế lực của Ấn Độ. Ấn Độ cũng đã tham gia Sáng kiến an ninh Container, sáng kiến này có mục tiêu cải thiện an ninh thương mại quốc tế...

Các sĩ quan chỉ huy hải quân cao cấp Mỹ đã nói về một "đối tác hàng

hải toàn cầu”, đây là một khuôn khổ hợp tác bao gồm cả hải quân và hàng hải dân sự của các nước châu Á và Ấn Độ Dương. Họ coi Ấn Độ như một thành phần tham gia quan trọng nhất trong cơ cấu hợp tác linh hoạt này. Các trải nghiệm thực tế trong hợp tác với Ấn Độ sau thảm họa Tsunami ở châu Á năm 2005 đã khiến Mỹ càng đề cao tầm quan trọng của mối quan hệ ngày càng phát triển với Ấn Độ.

Một lý do quan trọng khác khiến Mỹ cần tới Ấn Độ là để thực thi chính sách đối ngoại tại Nam Á. Thực tế cho thấy Mỹ không thể một mình ổn định tình hình Nam Á mà không có sự hậu thuẫn của Ấn Độ.

***Các mục tiêu chiến lược của Ấn Độ**

Các lợi ích chiến lược của Ấn Độ ở châu Á gồm hai phần: đảm bảo an ninh ở các nước liên kề và bảo vệ lợi ích của Ấn Độ (bao gồm cả nhu cầu năng lượng và phát triển kinh tế) ở các nước châu Á và Trung Đông. Chính sách an ninh quốc gia của Ấn Độ dựa trên giả thuyết các nước liên kề gặp nguy hiểm và bất ổn cục bộ từ những nước láng giềng đó gây ra sự rối loạn trong nước của Ấn Độ. Quan hệ của Ấn Độ với Pakistan luôn là mối quan hệ nhạy cảm. Ấn Độ thường can ngăn bất cứ liên can trực tiếp nào của Mỹ vào các vấn đề địa chính trị của khu vực. Tuy nhiên, quan hệ tốt đẹp với Mỹ sẽ khiến Ấn Độ và Mỹ có sự liên kết chặt chẽ hơn trong chính sách đối với các vấn đề ở Nepal, Bangladesh và Sri Lanka.

Chính sách quốc phòng của Ấn Độ ở khu vực Nam Á cơ bản là trên đất liền. Với hơn 1,3 triệu nhân sự, Ấn Độ

là nước có lực lượng quân sự lớn thứ ba thế giới, sau Trung Quốc và Mỹ. Ngân sách quốc phòng của Ấn Độ tăng 11% với khoảng 28 tỷ USD năm 2007 và tăng lên hơn 30% từ năm 2000. Ngược lại, an ninh trong bối cảnh châu Á và Ấn Độ Dương phụ thuộc nhiều hơn trên biển và trên không. Hải quân Ấn Độ muốn duy trì lực lượng quân sự chiếm ưu thế hơn ở Ấn Độ Dương. Trong những năm vừa qua, quan hệ của họ với Hải quân Mỹ đã trở nên mật thiết hơn.

Ngoài các vấn đề ở khu vực Nam Á, quan tâm lớn của Ấn Độ ở châu Á gồm cả đảm bảo an ninh đường giao thông huyết mạch của Ấn Độ về thương mại, đầu tư, và quan trọng nhất là năng lượng.

*** Các quan điểm tương đồng và bất đồng**

Cả Mỹ và Ấn Độ đều tìm kiếm cam kết hoà bình với Trung Quốc, mặc dù cả hai nước đều coi Trung Quốc là một quan ngại tiềm tàng về an ninh và không muốn bất kỳ quốc gia nào thống trị châu Á. Trung Quốc là một đối tác thương mại hàng đầu với cả Mỹ và Ấn Độ, và hai nước này đều không muốn làm tăng quan ngại của Trung Quốc về “sự bao vây” hay coi Trung Quốc như một kẻ thù. Tuy nhiên, Ấn Độ không muốn bị coi là một nhân tố trong chiến lược của Mỹ đối với Trung Quốc.

Đồng thời, an ninh vùng năng lượng ở Ấn Độ Dương có lẽ là vấn đề mà các nhà phân tích Mỹ và Ấn Độ có nhiều điểm đồng nhất. Giống như Ấn Độ, các quan chức an ninh Mỹ coi sự an toàn ở vùng biển có vai trò rất quan trọng đối với an ninh quốc gia. Lợi ích của Mỹ ở Ấn Độ Dương chủ yếu được thúc đẩy bởi mong muốn bảo

vệ thị trường năng lượng toàn cầu. Hơn một nửa nguồn cung cấp dầu lửa của thế giới nằm ở các vùng biển Ấn Độ Dương, và việc gián đoạn các nguồn cung cấp năng lượng sẽ có tác động lớn tới nước Mỹ.

Bất đồng lớn nhất giữa các mục tiêu an ninh của Mỹ và Ấn Độ là vấn đề quan hệ Ấn Độ - Pakistan. Ấn Độ coi Pakistan như nguồn gốc của chủ nghĩa khủng bố, và điều đó tác động đến Ấn Độ, không chỉ ở Kashmir mà còn ở các vùng khác trong nước. Trong khi đó, về cơ bản Washington coi Pakistan như một đồng minh trong cuộc chiến chống khủng bố.

Ở Trung Đông, Ấn Độ và Mỹ có chung các quan ngại về chủ nghĩa khủng bố và các nguồn cung cấp năng lượng nhưng khác nhau về cách thực hiện việc đó. Ấn Độ có mối quan hệ tốt với Israel, nhưng nói chung vẫn tránh các hoạt động có thể gây thù địch với các nước Ả-rập. Việc Ấn Độ từ chối yêu cầu gửi quân tham gia tái thiết Iraq cũng đã khiến Mỹ thất vọng. Một nguyên nhân bất hoà nữa ở Trung Đông là vấn đề Iran, Mỹ muốn Iran bị cô lập và kiểm chế, trong khi đó Ấn Độ tiếp tục theo đuổi các thoả thuận năng lượng với Iran và cần Iran để có thể tiếp cận với Afghanistan và Trung Á.

Ngay cả khi các mục tiêu chiến lược của Mỹ và Ấn Độ giống nhau, thì vẫn có khác biệt đáng kể trong cách thực hiện mục tiêu đó. Chẳng hạn như, mong muốn đa dạng hoá các nguồn năng lượng của Ấn Độ và quan ngại của họ về hoạt động của Trung Quốc ở Ấn Độ Dương đã khiến họ phải đàm phán với hội đồng tư vấn quân sự ở Myanmar (Burma), đây là một sự tương phản với thái độ không khoan nhượng của Washington. Các khác

biệt tương tự có thể kể đến những thoả thuận về dầu lửa của Ấn Độ ở Sudan và Nigeria.

2. Cơ chế hợp tác và đối thoại

Không giống với quan hệ quốc phòng Mỹ - Pakistan đã có lịch sử phát triển từ những năm 1950, quan hệ hợp tác quốc phòng giữa Mỹ và Ấn Độ gần đây mới phát triển. Từ năm 2001, mặc dù Mỹ nối lại quan hệ hữu nghị với Pakistan, quan hệ an ninh Mỹ - Ấn vẫn phát triển mạnh, các nhà ngoại giao Mỹ đánh giá hợp tác quân sự là khía cạnh quan trọng nhất trong chuyển biến quan hệ song phương giữa Mỹ và Ấn Độ.

Trong thập kỷ qua, Ấn Độ và Mỹ đã xúc tiến một loạt các cuộc đối thoại chiến lược. **Cơ chế đối thoại** chính của các cuộc đối thoại chiến lược quốc phòng là *Nhóm chính sách quốc phòng* (DPG) do Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ và Thứ trưởng Quốc phòng Mỹ đứng đầu. Nhóm Chính sách quốc phòng Mỹ - Ấn đã dần dần hoạt động có hiệu quả, và từ cuối năm 2001 trở đi đã có các cuộc đối thoại được tổ chức hàng năm. DPG tổ chức hội nghị lần thứ 8 vào tháng 11/ 2006 ở New Delhi. Các tiểu nhóm như *Nhóm sản xuất và thu mua quốc phòng*, *Nhóm hợp tác quân sự*, *Nhóm công nghệ chung* và *Nhóm công nghệ an ninh cao cấp* cũng hoạt động hiệu quả và hỗ trợ tích cực cho DPG... Trong thời gian tới, Nhóm chính sách quốc phòng vẫn tiếp tục có vai trò là cơ chế chính chỉ đạo quan hệ quốc phòng chiến lược Mỹ - Ấn. Nhóm này sẽ có điều chỉnh thích hợp về cơ cấu và tính thường xuyên của các cuộc gặp mặt. Còn các tiểu nhóm được thoả thuận bởi đồng chủ tọa Nhóm chính

sách quốc phòng đảm bảo duy trì được một cơ chế hiệu quả cho hợp tác quốc phòng Mỹ - Ấn.

Ngoài ra, Mỹ và Ấn Độ còn duy trì *Nhóm công tác chung về chống khủng bố*. Nhóm này được hai nước thành lập sau vụ tấn công vào Đại sứ quán Mỹ ở Kenya và Tanzania vào tháng 8/1998, và vụ không tặc đánh vào máy bay của Ấn Độ vào tháng 12/1999 ở Kandahar. Một Hiệp ước chung về hỗ trợ pháp lý giữa hai nước đã được ký kết giữa Bộ trưởng Nội vụ Ấn Độ L. K. Advani và Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Colin Powell trong chuyến thăm của ông đến Ấn Độ vào ngày 16-17 tháng 10/2001. Nhóm này hoạt động khá thành công trong việc chống chủ nghĩa khủng bố nhưng không giải quyết được các khác biệt giữa hai nước trong vấn đề Pakistan.

Tiến bộ từ Hiệp định *Bước tiếp theo trong quan hệ chiến lược (NSSP)* cũng sẽ là một nhân tố quan trọng định hướng hợp tác an ninh quốc phòng Mỹ - Ấn. Hợp tác an ninh quốc phòng giữa hai nước phát triển nhanh nhất kể từ khi Mỹ và Ấn Độ thông qua NSSP vào năm 2001. Sáng kiến NSSP bao gồm cam kết mở rộng về vấn đề điều chỉnh và an toàn hạt nhân, phòng thủ tên lửa, hợp tác trong lĩnh vực sử dụng công nghệ không gian vì mục đích hoà bình, các bước để tạo lập một môi trường thích hợp cho giao dịch thương mại công nghệ cao. Kể từ khi có Sáng kiến này, một loạt các công ty quốc phòng Mỹ đã mở văn phòng tại Ấn Độ và ký kết những thoả thuận quan trọng với Chính phủ Ấn Độ (tất cả các bước cần thiết để thúc đẩy lòng tin giữa hai nước và thúc đẩy an ninh nội địa và quốc phòng của Ấn Độ). Mỗi quan hệ

như thế sẽ tạo ra các lợi ích cả về quân sự, chính trị và kinh tế cho cả hai nước.

"Khuôn khổ mới trong quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn" được xác định và ký kết giữa Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Pranab Mukherjee và Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Donald Rumsfeld vào 29/6/2005 đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ quốc phòng, đây là một nhân tố mở rộng quan hệ đối tác chiến lược giữa Mỹ và Ấn Độ. Khuôn khổ mới này định hướng một lộ trình cho quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Mỹ trong 10 năm tiếp theo, theo đó sẽ hỗ trợ mở rộng hơn nữa quan hệ đối tác toàn cầu mà các nhà lãnh đạo nỗ lực tạo ra. Quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn Độ xuất phát từ niềm tin chung về tự do, dân chủ, quy tắc luật, và nỗ lực tìm kiếm các quan tâm chung về an ninh. Các quan tâm chung này bao gồm: duy trì an ninh và ổn định; thủ tiêu chủ nghĩa khủng bố và chủ nghĩa cực đoan tôn giáo; chống phổ biến các loại vũ khí huỷ diệt hàng loạt và bảo vệ tự do trao đổi thương mại qua đất liền, hàng không và vùng biển.

Theo nội dung của Khuôn khổ mới này, để theo đuổi mục tiêu chung trên và ngày càng phát triển quan hệ chiến lược Mỹ - Ấn Độ, thì quan hệ quốc phòng hai nước cần đáp ứng các công việc sau: tổ chức các cuộc tập trận chung; cộng tác trong nhiều hoạt động đa phương; tăng cường khả năng của hai lực lượng quân đội trong việc thúc đẩy an ninh và chống chủ nghĩa khủng bố; mở rộng hợp tác để bảo vệ ổn định và an ninh khu vực cũng như toàn cầu; tăng cường khả năng chống phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt; mở rộng quan hệ thương mại quốc phòng song phương; tăng cường cơ hội trao đổi công nghệ, cộng tác, sản xuất,

ngiên cứu và phát triển; mở rộng hợp tác trong lĩnh vực phòng thủ tên lửa; tích cực hợp tác trong các hoạt động gìn giữ hoà bình; tổ chức các cuộc trao đổi về chiến lược quốc phòng; tăng cường trao đổi thông tin tình báo và tiếp tục thảo luận chiến lược giữa các lãnh đạo cao cấp từ Bộ Quốc phòng Mỹ và Bộ Quốc phòng Ấn Độ nhằm mục đích tăng cường hiểu biết chung, đẩy mạnh các mục tiêu chung và hướng tới giải pháp chung trong nhiều vấn đề.

Ngày 29/6/2005, Mỹ và Ấn Độ đã ký Hiệp định quốc phòng 10 năm và Tổng thống George W. Bush nhấn mạnh rằng Mỹ sẵn sàng giúp Ấn Độ trở thành “cường quốc thế giới”, đồng thời ủng hộ New Delhi có một ghế trong Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc. Washington còn ủng hộ dự án quốc phòng toàn diện Seabird của Ấn Độ, trong đó có việc xây dựng căn cứ hải quân Karwar, một căn cứ không quân, một kho vũ khí hải quân và trung tâm tên lửa.

Trong chuyến thăm của Tổng thống Bush đến Ấn Độ vào tháng 3/2006, hai nước đã nhất trí ký kết một *Khuôn khổ hợp tác hàng hải* nhằm tăng cường an ninh, ngăn chặn nạn cướp biển và các tội phạm xuyên quốc gia khác trên biển, thực hiện các hoạt động tìm kiếm và cứu hộ, chống ô nhiễm biển, đối phó với thiên tai...

Vào tháng 12/2006, Quốc hội Mỹ thông qua đạo luật Henry J. Hyde - *Đạo luật về hợp tác năng lượng nguyên tử hoà bình Mỹ - Ấn* - sự kiện này đánh dấu bước ngoặt trong quan hệ song phương. Đạo luật này sửa đổi lại luật của Mỹ, cho phép Mỹ mở rộng hợp tác hạt nhân dân sự với Ấn Độ. Vào tháng 7 năm 2007, Mỹ và Ấn Độ đã đạt được một bước ngoặt lịch sử

trong quan hệ đối tác chiến lược khi hoàn thành các cuộc đàm phán hiệp định song phương về hợp tác hạt nhân hoà bình, được biết đến như “Hiệp định 123”. Hiệp định này được Ngoại trưởng Mỹ Condoleeza Rice và Ngoại trưởng Ấn Độ Mukherjee ký vào tháng 10/2008.

Đối thoại giữa hai nước trong lĩnh vực hợp tác quốc phòng vẫn tiếp tục được mở rộng. Chuyến thăm Ấn Độ của Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Robert Gates vào ngày 26-27 tháng 2/2008 và chuyến thăm Mỹ của Bộ trưởng Quốc phòng Ấn Độ Raksha Mantri vào ngày 7-10 tháng 9/2008 đã tiếp tục thúc đẩy hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực này.

Chuyến thăm Ấn Độ của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton trong tháng 7 vừa qua với một số thoả thuận quan trọng đạt được giữa hai bên đã phản ánh nỗ lực “xích lại” gần nhau giữa Washington và New Delhi trong bối cảnh mới của thế kỷ XXI. Trong chuyến thăm này, Mỹ và Ấn Độ cũng đã đồng ý ký kết một Hiệp ước quân sự mà theo đó Mỹ sẽ bán các loại vũ khí tối tân cho Ấn Độ.

3. Các cuộc tập trận chung

Trong những năm vừa qua, Ấn Độ đã tiến hành nhiều cuộc tập trận chung với Mỹ ở Ấn Độ Dương. Mặc dù vậy, chính phủ Ấn Độ vẫn coi căn cứ Diego Garcia của Mỹ ở Ấn Độ Dương và sự có mặt thường xuyên của quân đội Mỹ tại đó là một bước leo thang tiềm tàng cho một cuộc chiến tranh tương lai, đặc biệt là các hoạt động của Mỹ ở Iraq và Afghanistan.

Từ đầu năm 2002, Mỹ và Ấn Độ đã tổ chức hàng loạt các cuộc tập trận chung trên tất cả các lĩnh vực, cả về

hải quân, quân đội và Lực lượng biệt kích. Đặc biệt, vào tháng 9/2003, lực lượng biệt kích của Mỹ và Ấn Độ đã tổ chức các cuộc tập trận chung kéo dài hai tuần ở gần biên giới Ấn Độ - Trung Quốc. Các cuộc tập trận của hải quân ba nước Ấn Độ, Mỹ, và Nhật Bản đã được tổ chức ở vùng biển của Nhật Bản. Mỹ cũng tăng cường trao đổi về đào tạo và huấn luyện quân sự, đặc biệt là gìn giữ hoà bình, trong đó Ấn Độ là một lực lượng chủ chốt.

Sau vụ sóng thần Tsunami kinh hoàng ở Nam Á và Đông Nam Á vào tháng 12/2004, Hải quân Ấn Độ và Mỹ đã nỗ lực cộng tác tìm kiếm, cứu nạn và tái thiết khu vực này. Khả năng hợp tác quân sự Mỹ - Ấn Độ đã trở nên rõ ràng sau sự kiện này, lực lượng hải quân, không quân của Ấn Độ và Mỹ nằm trong số những lực lượng đầu tiên nhanh chóng cứu trợ nhân đạo ở đây. Kể từ sau đó, mối quan hệ phòng thủ Mỹ - Ấn đã trở nên tích cực hơn nhiều. Một *Hiệp định Không gian mở* đã được ký kết vào tháng 4/2005. Hiệp định này tạo điều kiện thúc đẩy hợp tác thương mại và kinh tế lớn hơn giữa hai nước do Hiệp định đã dỡ bỏ các đòi hỏi hạn chế máy bay chở hàng giữa hai nước.

Lực lượng biệt kích của Mỹ và Ấn Độ đã 5 lần phối hợp tổ chức các cuộc tập trận chung "Vajra Prahar", và ít nhất 133 nhà quân sự tài ba trong Lực lượng biệt kích của Mỹ đã tham gia. Cuộc tập trận hải quân gần đây nhất vào 3/5/2009: Malabar 2009 là một ví dụ điển hình cho chương trình diễn tập chung ngày càng tăng giữa hai nước. Ấn Độ đóng vai trò chính trong cuộc tập trận hải quân Malabar 2009, trong đó có khoảng 4000 quân của Ấn Độ, Mỹ và Nhật Bản cùng

huấn luyện trên biển, trên bộ và các hoạt động trên không.

4. Thương mại quốc phòng

Trong suốt thời kỳ Chiến tranh Lạnh, Ấn Độ từng mua hầu hết vũ khí và trang thiết bị quốc phòng từ Liên bang Xô viết, nhưng những năm gần đây các thương vụ mua bán giữa Mỹ và Ấn Độ đã tăng lên nhanh chóng. Mỹ đã có những bước khởi đầu tốt đẹp trong việc thâm nhập vào thị trường vũ khí mới và đầy tiềm năng này (các thương vụ mua bán vũ khí của Ấn Độ dự kiến sẽ tăng gấp đôi - trên 30 tỷ USD trước năm 2012 và có thể đạt mức kỷ lục là 80 tỷ USD trước năm 2022).

Cùng với hợp tác quốc phòng, quan hệ thương mại quốc phòng giữa hai nước từng bước được xây dựng và phát triển. Nhiều nhà nghiên cứu dự đoán kế hoạch hiện đại hoá quốc phòng của Ấn Độ có thể tăng tới 50 tỷ USD trong vài năm tới². Vụ mua bán vũ khí lớn nhất của Mỹ với Ấn Độ là vào năm 2002, khi đó Lầu Năm góc đã đàm phán nhượng thiết bị radar trị giá 190 triệu USD. Ấn Độ cũng dành 29 triệu USD để trang bị các thiết bị chống khủng bố cho lực lượng biệt kích của mình...

Ông Uday Bhaskar, một nhà phân tích quân sự nổi tiếng ở Ấn Độ nói: *"Tôi nghĩ rằng trong thời gian gần đây đã có sự thay đổi trong mối quan hệ có thời được mô tả là mối quan hệ lạnh nhạt. Ấn Độ và Hoa Kỳ đang tiến gần tới chỗ chủ động giao tiếp với nhau một cách thận trọng. Và trong bối cảnh này, Ấn Độ đã bắt đầu tìm kiếm nguồn cung ứng khả tín nhất cho các loại trang thiết bị quân sự, và rõ ràng là Hoa Kỳ có một vị thế rất*

khả tin trên toàn cầu của một nước cung ứng các loại thiết bị quan trọng.”

Từ năm 2003, Mỹ đã bắt đầu dỡ bỏ những hạn chế của mình trong hợp tác và trao đổi quốc phòng. Một động thái quan trọng trong quan hệ quốc phòng Mỹ - Ấn là tuyên bố *Những bước tiếp theo của quan hệ đối tác chiến lược*, Ấn Độ đã mở rộng khuôn khổ pháp lý về kiểm soát xuất khẩu và sử dụng các công nghệ nhạy cảm, giúp Mỹ có thể dỡ bỏ một số kiểm soát đã được dựng lên nhằm ngăn xuất khẩu những công nghệ này sang Ấn Độ. Trong năm 2004, Quốc hội Mỹ đã thông báo bán hệ thống tự bảo vệ máy bay trị giá 40 triệu USD cho Ấn Độ (máy bay chuyên chở các nguyên thủ Ấn Độ 737). Ngoài ra, Bộ Ngoại giao Mỹ cũng đã cho phép Israel bán cho Ấn Độ hệ thống cảnh báo sớm không vận Phalcon - hệ thống do Mỹ và Israel cùng triển khai.

Tháng 3/2005, Mỹ đã tuyên bố cho phép các tập đoàn của Mỹ ký kết những hợp đồng lớn cung cấp máy bay chiến đấu hiện đại cho không lực Ấn Độ, bao gồm cả việc Mỹ sẵn sàng cấp phép cho các máy bay là sản phẩm hợp tác với Ấn Độ, sự kiện này đánh dấu bước đột phá mới trong chính sách cấp phép của Mỹ. Mỹ cũng đã sản xuất và bán máy bay chiến đấu F-16 và F-18 cho Ấn Độ.

Trong năm 2006, Quốc hội Mỹ cho phép và Ấn Độ đã phê chuẩn thương vụ mua bán tàu vận tải USS Trenton (được đặt tên là Jalashwa) trị giá gần 50 triệu USD. Việc Mỹ bán cho Hải quân Ấn Độ Landing Platform Dock (LPD)14 vào ngày 17/1/2007 là một sự kiện quan trọng, đây là lần đầu tiên Hải quân Ấn Độ có loại tàu này. Với trọng lượng nước rẽ khoảng 17000

tấn, LPD là con tàu lớn của Hải quân Ấn Độ.

Chiếc tàu vận tải *Jalashwa* Ấn Độ đặt mua từ Mỹ vào tháng 6/2007 là tàu chiến đầu tiên mà Hải quân Ấn Độ mua của Mỹ và là chiếc lớn thứ hai mà Ấn Độ sở hữu sau tàu sân bay INS Viraat. Trong tháng 5/2007, Lầu Năm góc cũng đã thông báo trước Quốc hội khả năng bán cho Ấn Độ 6 máy bay vận tải C-130J Hercules trị giá gần 1 tỷ USD (kèm theo các thiết bị, dịch vụ và huấn luyện), đến tháng 1/2008, Mỹ và Ấn Độ đã ký một hiệp định để hoàn thiện thương vụ mua bán này, đây cũng chính là giao dịch thương mại quốc phòng lớn nhất của Mỹ với Ấn Độ. Các chuyên gia quốc phòng cho biết đây là một trong những thoả thuận vũ khí lớn nhất của Ấn Độ với Mỹ kể từ khi Ấn Độ giành được độc lập từ Anh năm 1947 và cho thấy New Delhi ít phụ thuộc vào các sản phẩm quốc phòng của Nga.

Sự kiện Hiệp định hợp tác hạt nhân dân sự được ký kết giữa hai nước cũng có nhiều tác động đến quan hệ thương mại quốc phòng. Hiệp định hợp tác hạt nhân dân sự (ANC) Mỹ - Ấn được Tổng thống Mỹ George W. Bush và Thủ tướng Ấn Độ Manmohan Singh ký tháng 7/2005, cho phép các công ty Mỹ bán công nghệ hạt nhân vì mục đích hoà bình cho Ấn Độ, Mỹ sẽ cung cấp các lò phản ứng và nhiên liệu hạt nhân cho Ấn Độ để hỗ trợ chương trình phát triển năng lượng hạt nhân dân sự ở Ấn Độ. Về phần mình, Ấn Độ sẽ được phép tiếp cận với công nghệ Mỹ, mua máy móc tiên tiến để phục vụ cho nghiên cứu hạt nhân, được tiếp cận công nghệ và năng lượng nguyên tử giá rẻ của phương Tây, với điều kiện Ấn Độ chấp thuận

thanh sát viên quốc tế của Cơ quan Năng lượng Nguyên tử Quốc tế (IAEA) và tuân thủ các quy định chung tại các nhà máy hạt nhân dân sự của Ấn Độ. Với Hiệp định này, Mỹ bãi bỏ lệnh cấm các hoạt động thương mại hạt nhân dân sự kéo dài suốt ba thập kỷ qua với Ấn Độ, đồng thời Nhóm Cung cấp hạt nhân (NSG) gồm 45 quốc gia cũng đồng ý xoá bỏ lệnh cấm vận buôn bán hạt nhân dân sự với quốc gia này.

Vụ mua bán quân sự gần đây nhất là kế hoạch mua hơn 100 máy bay chiến đấu đa năng cho lực lượng không quân của Ấn Độ. Ấn Độ dự định mua nhiều công nghệ máy tính hơn để lực lượng vũ trang của họ có thể kết nối thông tin chiến trường tốt hơn. Mới đây, một quan chức thuộc công ty Lockheed Martin phát biểu với hãng tin Reuters rằng Ấn Độ có thể là thị trường quốc phòng lớn nhất khu vực châu Á với các hợp đồng cung cấp vũ khí cho lực lượng không quân, hải quân và thông tin trị giá 20 tỷ USD.

Cuối tháng 3/2009, chính quyền Tổng thống Barack Obama đã phê chuẩn bán cho Ấn Độ 8 máy bay tuần tra trên biển loại Co P-8I do hãng Boeing chế tạo, trị giá 2,1 tỷ USD, cho đến nay đây là thương vụ mua bán lớn nhất của Mỹ với nước này. Những chiếc P-8I sẽ thay thế 8 chiếc Tupolev-142Ms của Nga vốn cũ kỹ và tốn xăng.

Ngoài các thương vụ mua bán vũ khí giữa hai nước, hiện Ấn Độ đang hy vọng có thể phối hợp với Mỹ xây dựng hệ thống phòng thủ tên lửa đạn đạo (BMD), đặc biệt sau vụ khủng bố tháng 11/2008 ở Mumbai.

Trong chuyến thăm Ấn Độ cuối tháng 7 vừa qua của Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton, hai nước cũng đã nhất trí một thoả thuận quân sự

(Hiệp ước quân sự) cho phép bán các loại vũ khí tinh vi của Mỹ cho Ấn Độ. Theo thoả thuận này, các hợp đồng mua bán thiết bị quân sự nhạy cảm trong tương lai giữa hai nước sẽ có một điều khoản đảm bảo Ấn Độ sử dụng đúng mục đích các loại vũ khí được mua, đồng thời không được chuyển giao cho bên thứ ba. Dự kiến Ấn Độ sẽ chi khoảng 30 tỷ USD trong vòng 5 năm để hiện đại kho vũ khí của mình, 12 tỷ USD trong số đó sẽ được dùng để mua 126 máy bay chiến đấu đa chức năng cho lực lượng không quân của nước này.

Việc đạt được thoả thuận này là kết quả cụ thể trong chính sách tăng cường quan hệ với Ấn Độ của Tổng thống Obama, đồng thời cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của Ấn Độ trong chính sách đối ngoại chung của Mỹ. Thoả thuận này không những đem lại lợi ích cho Ấn Độ mà còn đem lại lợi ích cho các công ty của Mỹ, đặc biệt là tập đoàn Lockheed Martin Corp và Boeing Co- các tập đoàn này trước đó đã phải cạnh tranh với nhiều nhà thầu quốc phòng tại nhiều quốc gia như Nga, Pháp, Thụy Điển và Anh để cung cấp 126 máy bay chiến đấu đa năng cho Ấn Độ. Đây sẽ là một trong những hợp đồng vũ khí lớn nhất trên thế giới khi Ấn Độ tiến hành hiện đại kho vũ khí lớn của mình do Nga sản xuất.

Chính các thương vụ mua bán quốc phòng giữa hai nước đã mang lại cơ hội để Mỹ và Ấn Độ đưa lĩnh vực hợp tác quốc phòng nói riêng và quan hệ hợp tác chiến lược giữa hai nước nói chung phát triển lên tầm cao mới.

Kết luận

Giữa Mỹ và Ấn Độ có những điểm tương đồng về lợi ích tạo cơ sở để xây

dựng một quan hệ đối tác thực sự. Tuy nhiên, trong quan hệ Mỹ - Ấn Độ vẫn tồn tại không ít thách thức bất đồng, mâu thuẫn, cản trở quan hệ hợp tác giữa hai quốc gia. Muốn quan hệ giữa hai nước ngày càng phát triển thì nhiệm vụ của Mỹ và Ấn Độ là phải luôn nắm bắt và giải quyết được các thách thức đó. Trong đó, thách thức lớn nhất là chống khủng bố, buôn bán ma túy, phổ biến vũ khí hạt nhân, và để làm được việc này hai nước sẽ phải tăng cường mối quan hệ quốc phòng, tình báo và thực thi pháp luật, hợp tác chặt chẽ hơn để chặn dòng tài trợ cho các phần tử khủng bố.

Từ sau Chiến tranh Lạnh, Mỹ và Ấn Độ đã đạt được nhiều cải thiện đáng kể trong quan hệ song phương, đặc biệt là quan hệ an ninh quốc phòng. Cải thiện này dựa trên thực tế về địa chính trị hiện nay và việc ngày càng coi trọng hội tụ lợi ích chiến lược chính ở cả hai nước. Ấn Độ cần sự hỗ trợ của Mỹ để đạt được các mục tiêu về an ninh, chính trị, kinh tế và công nghệ cần thiết tiến đến vị trí cường quốc toàn cầu. Hợp tác quốc phòng Mỹ - Ấn ngày càng phát triển, nhiều dấu hiệu cho thấy quan hệ này sẽ tiếp tục phát triển trong những năm tới. Tiến trình và triển vọng đều rất sáng sủa. Thay cho lời kết, xin trích dẫn trong một bài báo công bố gần đây "People, Progress and Partnership: The Transformation of US - India Relations", mục tiêu của quan hệ quốc phòng Ấn Độ - Mỹ được mô tả: "Mục tiêu của việc phát triển quan hệ quốc phòng song phương là phát triển khả năng và lòng tin, cùng đối mặt với các vấn đề an ninh đa phương, như bảo vệ các nguồn cung cấp năng lượng và

vùng biển, tổ chức các hoạt động gìn giữ hoà bình và chống khủng bố..."³ ■

Tài liệu tham khảo:

1. Barack Obama on US - India relations, Interview by Ashish Kumar Sen, July 21, 2008.
2. Dana R. Dillon: *U.S. Strategic Objectives in South Asia*, The Heritage Foundation, July 7, 2005.
3. Defense New Staff: *Deal Near in India - U.S. Export - Control Flap?*, February 15, 2009.
4. Henry Sokolski, *Gauging U.S.-India strategic cooperation*, March 2007, www.StrategicStudiesInstitute.army.mil/
5. Jason Overdorf: *India-US military Partnership enters next Phase*, GlobalPost, June 11, 2009.
6. *Keating Visit Promotes Growing US-India Military Relationship*, Defense & Security News - By US Department of Defense on May 18, 2009.
7. Siddharth Srivastava: *US allays India's defense fears*, May 24, 2009.
8. Teresita C. Schaffer (Director, South Asia Program, Center for Strategic and International Studies (CSIS)), *US-India relations Needed: A new kind of Partnership*, Washington D.C, June 25, 2008.
9. "US-India Joint Exercises Growing in Sophistication, Scope," Inside the Pentagon, Jan 31, 2008.
10. USINDIA Business Council: *USIBC Launches "Star-Stangled" Defense mission to Deepen U.S. - India Defense & Security Ties, America's 'Best' on Display at Aero India 2009*, Feb 11, 2009.

Chú thích:

1. Sumit Ganguly, Brian Shoup and Andrew Scobell: *US - Indian Strategic Cooperation into the 21st century*, 2006
2. Siddharth Srivastava: *US allays India's defense fears*, May 24, 2009
3. "Sea, Land, Air: The Military relationship is growing at a Flattering pace", October 2004.